

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: **01/3/2024**

"Về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thúy** và bà **Vũ Thị Thủy**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:

Bà **Đỗ Thị Xoa**- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 254/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXX ngày 24/01/2024, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐ-HPT ngày 07/02/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1997

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Vĩnh Lại, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố Pleipyang, thị trấn Koong Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh **Đào Đức Đ**, sinh năm 1999

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Vĩnh Lại, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ liên lạc: Trung Đội 12,7 – Tiểu Đoàn 6 – Trung Đoàn 95 – Sư Đoàn 325, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

(Nguyên đơn là chị D vắng mặt và có đơn đề nghị được vắng mặt; bị đơn là anh Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị Dung trình bày: Về quan hệ vợ chồng: Chị với anh **Đào Đức Đ** được tự do tìm hiểu thời gian 03 tháng, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/2020 tại UBND xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với gia đình anh Đ được

thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình của vợ chồng không hợp nhau, thiếu niềm tin ở nhau, anh Đ luôn ghen tuông vô cớ, nhiều lần dùng bạo lực với chị, luôn đe dọa và khủng bố tinh thần với chị. Trong cuộc sống hàng ngày anh Đ không có trách nhiệm đối với mẹ con chị, không chia sẻ với chị cả về tinh thần lẫn vật chất, kể từ khi chị sinh con, một mình tự chăm sóc con, đi làm để có tiền nuôi con. Ngoài ra, mâu thuẫn của vợ chồng có một phần do sự tác động của mẹ anh Đ khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Bản thân chị làm công nhân tại khu công nghiệp phải đi làm ca, tuần thì làm ca ngày, tuần thì làm ca đêm nhưng gia đình anh Đ không chia sẻ, thông cảm mà mẹ anh Đ còn dùng những lời lẽ xúc phạm chị và bố mẹ chị, bà cảnh báo cho anh Đ biết nếu còn ở với chị thì mẹ anh Đ không chấp nhận anh Đ là con. Từ những lời nói kích động, cay nghiệt của mẹ anh Đ dẫn đến việc anh Đ ngày càng đối xử tệ bạc, vô trách nhiệm với mẹ con chị trong suốt thời gian 3 năm chị sống cùng gia đình anh Đ. Nay, chị khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nên cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Đào Hải Đ1, sinh ngày 12/5/2021, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng từ khi sinh con ra cho đến nay. Nay, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng con và chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng cùng chị.

3. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ngoài ra, chị có đơn đề nghị được vắng mặt tại các phiên tòa ở các cấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Theo bản tự khai của bị đơn, anh Đ trình bày: Về quan hệ vợ chồng: Anh xác định tự do tìm hiểu chị D thời gian khoảng 01 tháng, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới cho anh chị và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương ngày 04/11/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D có tình cảm với người đàn ông khác để vợ người đó có ý kiến với gia đình anh, khi bố mẹ anh và anh biết góp ý thì chị D không nhận và âm ỉ, bực tức với anh. Sau đó, tự ý đưa con ra ngoài thuê nhà sinh sống, chặn hết toàn bộ số điện thoại của các thành viên của gia đình anh, để anh không liên lạc với chị D. Sau đó gửi đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết ly hôn với anh. Do anh đang đi thực hiện nghĩa vụ quân sự theo yêu cầu của huyện đội Cẩm Giàng triệu tập từ đầu năm 2023, đóng quân tại Bắc

Giang nhưng đơn vị đã tạo điều kiện thi thoảng cho anh về gia đình để thăm mẹ ốm và giải quyết mâu thuẫn với vợ nhưng không tìm được mẹ con chị D ở đâu. Khi Tòa án gửi Công văn đến đơn vị nơi anh đang thực hiện nghĩa vụ quân sự thì lãnh đạo đơn vị cho anh nghỉ phép để về Tòa án huyện Cẩm Giàng để giải quyết việc ly hôn với chị D nhưng do chị D không có mặt tại Trụ sở Tòa án làm việc cùng anh nên anh không đồng ý ly hôn với chị Dung. Anh khẳng định trong cuộc sống vợ chồng của anh chị có nhiều mâu thuẫn xảy ra nhưng anh không muốn ly hôn vì thương con còn nhỏ, nếu vợ chồng ly hôn sau này sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của con chung. Ngoài ra, anh xác định không biết hiện nay mẹ con chị D ở địa chỉ cụ thể nào, làm gì anh không liên lạc nên không biết.

2. Về quan hệ con chung: Anh Đ xác định vợ chồng có 01 con chung là Đào Hải Đ1, sinh ngày 12/5/2021, do chị D đã và đang trực tiếp nuôi dưỡng từ khi sinh ra, hiện nay mẹ con chị D ở đâu anh không biết nhưng nếu chị D cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con cho đến khi trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh.

3. Về tài sản chung; nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Anh Đ xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, anh Đ không có yêu cầu phản tố đối với nội dung khởi kiện của chị D và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng tại phiên tòa, đồng thời giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ, giao con cho chị tiếp tục nuôi dưỡng và chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Tại bản tự khai của bị đơn khẳng định trong cuộc sống vợ chồng anh có nhiều mâu thuẫn nhưng anh không muốn ly hôn vì thương con còn nhỏ, nếu vợ chồng ly hôn sau này sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của con chung nên anh không đồng ý ly hôn với chị D. Ngoài ra, cả nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm được qui định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định khác của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Đào Đức Đ; Về con chung: Giao con là Đào Hải Đ1, sinh ngày 12/5/2021 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của chị Dung về việc không yêu cầu anh Độ phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị; Về án phí: Chị Dung phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn là anh Đào Đức Đ có địa chỉ đăng ký hộ khẩu và thường trú tại Thôn Vĩnh Lại, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được Tòa án giấy triệu tập nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn được Tòa án gửi giấy triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vụ án theo qui định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn:* Chị Nguyễn Thị D và anh Đào Đức Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04/11/2020 tại UBND xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Do vậy, xác định quan hệ của chị D và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau, hiện nay chị D đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ ở Tổ dân phố Pleipyang, thị trấn Koong Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai, anh Đ đang sinh sống cùng bố mẹ ở thôn Vĩnh Lại, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Nay, chị D khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ, đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở và cương quyết không quay về đoàn tụ vợ chồng với anh Đ, anh Đ thì không tìm được biện pháp

khắc phục mâu thuẫn để cải thiện tình cảm vợ chồng, thực tế anh xác định không biết mẹ con chị D ở đâu, làm gì kể từ khi chị D đưa con đi khỏi nhà anh. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, chị D và anh Đ không thực hiện được các nghĩa vụ trên nên cần xử cho chị D ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung*: Xác định vợ chồng chị D và anh Đ có 01 con chung là Đào Hải Đ1, sinh ngày 12/5/2021. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, cả chị D và anh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, cần xét điều kiện hoàn cảnh thực tế để đảm bảo cuộc sống cho con, hiện nay con còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), cần có sự chăm sóc dạy dỗ, gần gũi của người mẹ. Chị D đã chăm sóc nuôi dưỡng con từ khi sinh ra cho đến nay, hiện nay chị có bố mẹ chị hỗ trợ cho mẹ con chị về mọi mặt trong đó có trông nom con cho chị yên tâm đi làm. Đối với anh Đ hiện tại còn đang thực hiện nghĩa vụ quân sự thời gian 18 tháng theo qui định, đóng quân tại Bắc Giang nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con. Mặt khác, mẹ đẻ của anh Đ đã và đang phải điều trị bệnh hiểm nghèo tại các bệnh viện từ mấy năm nay nên không thể hỗ trợ chăm sóc con cho anh Đ được. Do vậy, HĐXX xét việc giao con chung cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con sẽ thuận lợi, đảm bảo tốt cuộc sống, quyền lợi ích cho con về mọi mặt và phù hợp quy định của pháp luật. Đối với việc chị D tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. HĐXX thấy hiện nay chị D có việc làm và thu nhập mức lương ổn định mỗi tháng trên 10 triệu đồng. Như vậy, có khả năng đảm bảo cuộc sống tốt cho con nên sự tự nguyện của chị D phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung*: Chị D và anh Đ đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều

271; Điều 273 của bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Đào Đức Đ.

2. *Về con chung*: Xử giao con là Đào Hải Đ1, sinh ngày 12/5/2021 cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Độ phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị.

Anh Đào Đức Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0000015 ngày 16/11/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi Cục thi hành án DS huyện Cẩm Giàng;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (Kết hôn ngày 04/11/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thị Tố Uyên